

Bản án số: 155/2017/HSST
Ngày 26 tháng 9 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Huy Hiệp

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Minh Hiếu

2. Ông Lương Hữu Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Thanh Nghị, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Ngô Xuân Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 152/2017/HSST ngày 31 tháng 8 năm 2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2017/HSST-QĐ ngày 13 tháng 9 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Minh Th; sinh năm 1966, tại huyện Y, tỉnh Hưng Yên; nơi ĐKNKTT: Bản H, xã S, huyện S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; Đảng phái, đoàn thể: không; con ông Nguyễn Đình L và bà Nguyễn Thị H (đều đã chết); có vợ là Phạm Thị Ch và 03 con (con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2005); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/6/2017 đến ngày 02/8/2017 được cho tại ngoại, có mặt.

2. Lò Văn Th2; sinh năm 1983, tại huyện TC, tỉnh Sơn La; nơi ĐKNKTT: Bản H, xã S, huyện S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Thái; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Đảng phái, đoàn thể: không; con ông Lò Văn Th và bà Quàng Thị N; có vợ là Tòng Thị Tr và 01 con sinh năm 2012; không tiền sự, có 01 tiền án: Ngày 17/11/2015 bị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sơn La xử phạt 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Đánh bạc; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/6/2017, có mặt.

3. Vũ Đình T1; sinh năm 1972, tại huyện Y, tỉnh Hưng Yên; nơi ĐKNKTT: Bản H, xã S, huyện S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Đảng phái, đoàn thể: không; con ông Vũ Đình T2 và bà Nguyễn Thị Nh; có vợ là Nguyễn Thị H và 02 con (con

lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1996); tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 04/6/2017 đến ngày 12/6/2017 được tại ngoại, có mặt.

4. Lê Văn Th3; sinh năm 1978, tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKNKTT: Bản H, xã S, huyện S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: thợ cắt tóc; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Đảng phái, đoàn thể: không; con ông Lê Văn Tm và bà Nguyễn Thị X; có vợ là Lương Thị Tt và 02 con (con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 04/6/2017 đến ngày 12/6/2017 được cho tại ngoại, có mặt.

5. Vi Văn Ng; sinh năm 1988, tại huyện S, tỉnh Sơn La; nơi ĐKNKTT: Bản Dôm, xã Dôm Cang, huyện S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Thái; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Đảng phái, đoàn thể: không; con ông Vi Văn D và bà Lương Thị T1; có vợ là Lương Thị T và 01 con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 04/6/2017 đến ngày 12/6/2017 được cho tại ngoại, có mặt.

6. Vũ Văn K; sinh năm 1982, tại huyện G, tỉnh Nam Định; nơi ĐKNKTT: Bản CM, xã S, huyện S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: thợ mộc; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Vũ Quang K (đã chết) và bà Lê Thị Thoa; có vợ là Nguyễn Thị Phvà 02 con (con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2009); tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 04/6/2017 đến ngày 12/6/2017 được cho tại ngoại, có mặt.

7. Nguyễn MS; sinh năm 1979, tại quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; nơi ĐKNKTT: Bản L, xã S, huyện S, tỉnh Sơn La. nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Văn Ngh và bà Bùi Thị L; có vợ Hà Thị B và 01 con sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 04/6/2017 đến ngày 12/6/2017 được cho tại ngoại, có mặt.

8. Nguyễn Tất D (tên gọi khác: B); sinh năm 1989, tại huyện C, Thành phố Hà Nội; nơi ĐKNKTT: Thôn C, xã N, huyện C, Thành phố Hà Nội; nơi tạm trú: Bản H, xã S, huyện S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Tất O và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Quàng Thị S và 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 04/6/2017 đến ngày 12/6/2017 được cho tại ngoại, có mặt.

9. Vũ Văn Ph; sinh năm 1981, tại huyện Y, tỉnh Hưng Yên; nơi ĐKNKTT: Thôn Đ, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; nơi tạm trú: Bản H, xã S, huyện S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Đảng phái đoàn thể: Không; con ông Vũ Văn N và bà Lương Thị T; có vợ là Vũ Thị S và 02 con (con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2007); tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 04/6/2017 đến ngày 12/6/2017 được cho tại ngoại, có mặt.

10. Vũ Văn Tr; sinh năm 1990, tại huyện B, tỉnh Hải Dương; nơi ĐKNKTT: Thôn Tr, xã Kh, huyện B, tỉnh Hải Dương; nơi tạm trú: Bản H, xã S,

huyện S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Đảng phái đoàn thể: Không; con ông Vũ Văn B và bà Phạm Thị L; có vợ là Phùng Thị Ng và 02 con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 04/6/2017 đến ngày 12/6/2017 được cho tại ngoại, có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Phạm Thị Ch; sinh năm: 1969; nơi ĐKNKTT: Bản H, xã S, huyện S, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn S2; sinh năm: 1974; nơi ĐKNKTT: Bản H, xã S, huyện S, tỉnh Sơn La, có mặt.

3. Anh Nguyễn Văn T4; sinh năm: 1989; nơi ĐKNKTT: Bản H, xã S, huyện S, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

4. Chị Nguyễn Thị M; sinh năm: 1996; nơi ĐKNKTT: Bản H, xã S, huyện S, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

5. Chị Lương Thị T; sinh năm: 1990; nơi ĐKNKTT: Bản D, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Nguyễn Minh Th, Lò Văn Th2; Lê Văn Th3, Vũ Đình T1, Vi Văn Ng, Vũ Văn K, Nguyễn MS, Nguyễn Tất D, Vũ Văn Ph; Vũ Văn Tr bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 03/6/2017, tổ công tác Đội 2 phòng Cảnh sát điều tra về trật tự xã hội Công an tỉnh Sơn La phát hiện và bắt quả tang tại nhà ở của Nguyễn Minh Th, trú tại bản H, xã S, huyện S, tỉnh Sơn La gồm có: Nguyễn Minh Th (chủ nhà), Lò Văn Th2, Vũ Đình T1, Lê Văn Th3, Vi Văn Ng, Vũ Văn K, Nguyễn MS, Nguyễn Tất D, Vũ Văn Ph, Vũ Văn Tr, Nguyễn Văn S2, Nguyễn Văn T4 và Vũ Đình H, đang có hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, được thua bằng tiền. Cơ quan Công an tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ những vật chứng sau: Thu giữ tại chiếu bạc 03 bộ bát đĩa (03 bát sứ và 03 đĩa sứ), 04 quân vị hình tròn, số tiền 10.200.000đ thu tại chiếu bạc; thu tại góc phản cạnh chiếu bạc số tiền 10.000.000đ; thu trong người các đối tượng số tiền 45.800.000đ và 10 chiếc điện thoại di động. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Minh Th thu giữ số tiền 107.000.000đ.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 03/6/2017 khi Nguyễn Minh Th đang ở nhà tại bản H, xã S, huyện S, tỉnh Sơn La thì có Lò Văn Th2, Vũ Đình T1, Lê Văn Th3, Vi Văn Ng, Vũ Văn K, Nguyễn MS, Nguyễn Tất D, Vũ Văn Ph, Vũ Văn Tr, Nguyễn Văn S2, Nguyễn Văn T4 và Vũ Đình H đến và ngồi tại phòng khách ở tầng lửng nhà Th với mục đích chờ xem trận chung kết bóng đá cúp C1 sẽ diễn ra vào lúc 01 giờ 45 phút ngày 04/6/2017. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, Th nói với mọi người “*Anh mở gà rồi, tý nấu cháo ăn. Bây giờ cắt quân làm tý chờ đến bóng đá nhĩ*”. Lò Văn Th2 lấy kéo (có sẵn ở nhà Th) cắt 04 quân vị hình tròn đường kính 1,5cm từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long còn Th xuống bếp lấy 03 chiếc bát và 03 chiếc đĩa sứ

của gia đình thường dùng để ăn cơm mang lên tầng lửng để làm công cụ xóc đĩa. Vũ Văn K lấy một chiếc chiếu ở gầm cầu thang mang lên trải trên nền phòng khách, mọi người ngồi xuống chiếu để đánh bạc, Nguyễn Văn S2, Nguyễn Văn T4 và Vũ Đình H không tham gia chơi mà ngồi xem Ti vi. Các bị cáo đánh bạc với nhau bằng hình thức đánh xóc đĩa, sát phạt nhau được, thua bằng tiền. Th là người cầm cái (*người xóc đĩa*) còn các bị cáo khác đặt theo hai cửa chắn, lẻ. Khi bắt đầu một ván chơi thì người cầm cái (Th) cho 04 quân vị lên một chiếc đĩa, úp một chiếc bát lên (*được lựa chọn từ 03 chiếc bát, 03 chiếc đĩa mà Th mang lên*) và xóc để các quân vị lật các mặt khác nhau, người chơi đặt cửa chắn hoặc lẻ với số tiền dao động từ 50.000đ đến 500.000đ, tỷ lệ một ăn một, tức là nếu thắng thì sẽ được số tiền bằng số tiền đã bỏ ra để đặt cược, nếu thua thì sẽ mất số tiền đó. Sau khi người chơi đặt cửa xong thì người cầm cái mở bát ra để xem quân vị, nếu có 02 hay 04 quân vị cùng màu trên đĩa là về chắn, nếu có 03 quân vị cùng màu trên đĩa là về lẻ. Các bị cáo đang đánh xóc đĩa đến 23 giờ 00 phút cùng ngày thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra (Phòng PC45) Công an tỉnh Sơn La phát hiện bắt quả tang, xác định được số tiền sát phạt thắng, thua và thu giữ trên người các bị cáo đang đánh xóc đĩa như sau: Nguyễn Minh Th, trước khi chơi có 8.000.000đ, đánh thua hết 2.400.000đ, bị thu giữ trên người 5.600.000đ; Lò Văn Th2 có 1.000.000đ, đánh thua hết 600.000đ, bị thu giữ trên người 400.000đ; Lê Văn Th3 có 400.000đ đánh thua hết; Vì Văn Ng có 42.100.000đ, Ng lấy ra 300.000đ và đánh thua hết 300.000đ, bị thu giữ trên người 31.800.000đ và thu giữ tại góc phản nơi nơi đánh bạc 10.000.000đ, xác định là tiền của Ng, không dùng vào việc đánh bạc; Vũ Văn K, có 1.000.000, đánh thua 800.000đ, bị thu giữ trên người 200.000đ; Nguyễn MS có 1.000.000đ đánh thua hết; Nguyễn Tất D có 1.000.000đ đánh thua hết; Vũ Văn Ph có 1.700.000đ đánh thua hết; Vũ Văn Tr có 5.000.000đ, đánh thua 1.000.000đ, bị thu giữ trên người 4.000.000đ; Vũ Đình T1 có 2.500.000đ đánh thua hết. Như vậy tổng số tiền mà các bị cáo sử dụng vào đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa là: 21.900.000đ.

Đối với Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn S2 và Vũ Đình H, tối ngày 03/6/2017, T4, S2 và H có mặt tại nhà Th nhưng cả 03 người không tham gia đánh bạc mà xem ti vi. Căn cứ vào biên bản bắt người phạm tội quả tang và kết quả điều tra xác minh, ngày 04/6/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La đã ra Quyết định trả tự do cho Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn S2 và Vũ Đình H.

Tại Cáo trạng số 27/VKS-P2 ngày 29/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La truy tố các bị cáo Nguyễn Minh Th, Lò Văn Th2, Vũ Đình T1, Lê Văn Th3, Vì Văn Ng, Vũ Văn K, Nguyễn MS, Nguyễn Tất D, Vũ Văn Ph, Vũ Văn Tr về tội Đánh bạc, theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu. Ngoài ra, các bị cáo đều khai điện thoại di động của các bị cáo đang bị thu giữ không liên quan đến hành vi phạm nên đề nghị được trả lại.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn S2 khai: Khoảng 22 giờ ngày 03/6/2017 anh S2 có đến nhà Nguyễn Minh Th mục đích để xem bóng đá, khi các bị cáo đánh bạc anh S2 không tham gia mà ngồi xem ti vi, khi Cơ quan Công an bắt quả tang anh S2 có bị

tạm giữ số tiền 300.000đ, nhưng đến nay đã được Cơ quan điều tra trả lại số tiền trên, nay anh không có đề nghị gì.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

[1] Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 năm 2015; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Th từ 12 đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; áp dụng khoản 3 Điều 248 Điều 30 Bộ luật Hình sự phạt tiền từ 3 đến 5 triệu đồng.

[2] Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53; Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 năm 2015: Xử phạt bị cáo Lò Văn Th2 từ 09 đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (04/6/2017); áp dụng khoản 3 Điều 248; Điều 30 Bộ luật Hình sự phạt tiền từ 1 đến 3 triệu đồng.

[3] Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Vũ Văn K từ 09 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; áp dụng khoản 3 Điều 248; Điều 30 Bộ luật Hình sự phạt tiền từ 1 đến 3 triệu đồng.

[4] Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Văn Tr từ 09 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; áp dụng khoản 3 Điều 248; Điều 30 Bộ luật Hình sự phạt tiền từ 1 đến 3 triệu đồng.

[5] Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Đình T1 từ 09 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; áp dụng khoản 3 Điều 248; Điều 30 Bộ luật Hình sự phạt tiền từ 1 đến 3 triệu đồng.

[6] Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vi Văn Ng từ 09 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; áp dụng khoản 3 Điều 248; Điều 30 Bộ luật Hình sự phạt tiền từ 1 đến 3 triệu đồng.

[7] Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Văn Ph từ 09 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; áp dụng khoản 3 Điều 248; Điều 30 Bộ luật Hình sự phạt tiền từ 1 đến 3 triệu đồng.

[8] Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015; Điều 31 Bộ luật Hình sự 1999: Xử phạt bị cáo Lê Văn Th3 từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ (được khấu trừ đi 09

ngày tạm giữ) thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày có quyết định thi hành án; khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung quỹ nhà nước; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 31 Bộ luật Hình sự 1999: Xử phạt bị cáo Nguyễn MS từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ (được khấu trừ đi 09 ngày tạm giữ) thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày có quyết định thi hành án; khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung quỹ nhà nước; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[10] Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 31 Bộ luật Hình sự 1999: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tất D từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ (được khấu trừ đi 09 ngày tạm giữ) thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày có quyết định thi hành án; khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung quỹ nhà nước; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 03 bộ bát, đĩa và 04 quân vị hình tròn; tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 21.900.000đ; trả cho bà Phạm Thị Ch số tiền 8.000.000đ; trả cho chị Lương Thị Tien số tiền 41.800.000đ; tạm giữ 10 chiếc điện thoại di động của các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Tại phiên tranh luận, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện tài liệu chứng cứ ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án,

XÉT THẤY:

Lời khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung bản Cáo trạng đã thể hiện:

Tối ngày 03/6/2017, Nguyễn Minh Th, Lò Văn Th2, Vũ Đình T1, Lê Văn Th3, Vì Văn Ng, Vũ Văn K, Nguyễn MS, Nguyễn Tất D, Vũ Văn Ph, Vũ Văn Tr đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, sát phạt nhau được thua bằng tiền tại nhà ở của Nguyễn Minh Th tại bản H, xã S, huyện S, với tổng số tiền tham gia đánh bạc là: 21.900.000đ. Trong khi các bị cáo trên đang chơi cá cược thì bị phát hiện và bắt quả tang.

Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang của phòng PC45, Công an tỉnh Sơn La được lập hồi 23 giờ 00 phút ngày 03/6/2017 đối với các bị cáo cùng với vật chứng thu giữ là: 03 bộ bát đĩa gồm 03 đĩa hình tròn và 03 bát sứ màu trắng; 04 quân vị hình tròn; 10.200.000đ tại chiếu nơi ngồi chơi xóc đĩa; 45.800.000đ thu trên người các đối tượng; 10.000.000đ thu tại góc phản cạnh chiếu bạc và 10 điện thoại di động;

- Kết luận giám định số 387/KLGD ngày 15/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận toàn bộ số tiền 173.000.000đ (*thu giữ khi bắt quả tang và khám xét*) gửi giám định là tiền thật;

- Lời khai của anh Nguyễn Văn S2, Nguyễn Văn T4, Vũ Đình H có mặt chứng kiến các bị cáo đánh bạc trái phép;

Lời khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp với kết quả điều tra và xác định các bị cáo đã sử dụng tổng số tiền 21.900.000 đồng để đánh bạc.

Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Minh Th, Lò Văn Th2, Vũ Đình T1, Lê Văn Th3, Vi Văn Ng, Vũ Văn K, Nguyễn MS, Nguyễn Tất D, Vũ Văn Ph, Vũ Văn Tr hành đã phạm tội Đánh bạc, quy định tại Điều 248 Bộ luật Hình sự.

Đánh giá về tính chất, mức độ, vai trò phạm tội của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc, sát phạt nhau bằng tiền là vi phạm pháp luật, nhưng vì tư lợi nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội với tổng số tiền cá cược là 21.900.000đ, hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự có mức hình phạt: “*Phạt tiền từ năm triệu đồng đến 50 triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc bị phạt tù từ 3 tháng đến 3 năm*”.

Trong vụ án, các bị cáo thực hiện tội phạm với tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ. Bị cáo Nguyễn Minh Th là người khởi xướng, tạo địa điểm, lấy bát đĩa dùng vào việc chơi xóc đĩa, là người cầm cái khi thực hiện hành vi cá cược nên giữ vai trò chính trong vụ án; bị cáo Lò Văn Th2, Vũ Văn K là người chuẩn bị quân vị và chiếu để đánh xóc đĩa, là người giúp sức cho Th và là đồng phạm tham gia đánh bạc. Các bị cáo Vũ Đình T1, Lê Văn Th3, Vi Văn Ng, Nguyễn MS, Nguyễn Tất D, Vũ Văn Ph, Vũ Văn Tr là đồng phạm tham gia đánh bạc.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự;

Các bị cáo Nguyễn Minh Th, Vũ Đình T1, Lê Văn Th3, Vi Văn Ng, Vũ Văn K, Nguyễn MS, Nguyễn Tất D, Vũ Văn Ph, Vũ Văn Tr phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Lò Văn Th2 có bị cáo có mẹ đẻ và ông nội có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân Chương và Huy chương kháng chiến hạng Nhất nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Bị cáo Nguyễn Minh Th có bố là người có công với cách mạng là thương binh hạng 5/6 và bị cáo Lê Văn Th3 có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Các bị cáo Lò Văn Th2, Vũ Đình T1, Lê Văn Th3, Vi Văn Ng, Vũ Văn K, Nguyễn MS, Nguyễn Tất D, Vũ Văn Ph, Vũ Văn Tr tham gia hành vi phạm tội với

vai trò đồng phạm nên được xem xét áp dụng Điều 53 Bộ luật Hình sự khi lượng hình phạt.

Về hình phạt đối với các bị cáo:

Đối với bị cáo Lò Văn Th2 đã bị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sơn La xử phạt 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng, đến ngày 21/12/2016 bị cáo Th2 chấp hành xong thời hạn thử thách, bị cáo chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội, nên đã vi phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*tái phạm*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, do đó, đối với bị cáo cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Đối với các bị cáo Nguyễn Minh Th, Vũ Đình T1, Vi Văn Ng, Vũ Văn K, Vũ Văn Ph, Vũ Văn Tr phạm tội ít nghiêm trọng, không tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, bản thân các bị cáo có khả năng tự cải tạo và được gia đình và chính quyền địa phương bảo lãnh. Xét các bị cáo có đủ điều kiện được quy định tại khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc Hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự về án treo. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và cho các bị cáo được hưởng án treo đồng thời ấn định thời gian thử thách và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, cũng đảm bảo việc cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo. Ngoài hình phạt chính, căn cứ vào điều kiện riêng của từng bị cáo, cần áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) theo mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 248, khoản 2, 3 Điều 30 Bộ luật hình sự.

Đối với các bị cáo Lê Văn Th3, Nguyễn MS và Nguyễn Tất D phạm tội ít nghiêm trọng, tham gia đánh bạc với vai trò đồng phạm, số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc ít; có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng, vì vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo trên ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 31 Bộ luật Hình sự cũng đảm bảo cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Các bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 04/6/2017 đến ngày 12/6/2017 (tổng cộng là 09 ngày), do đó được khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ (một ngày tạm giữ bằng 3 ngày cải tạo không giam giữ). Tại phiên tòa các bị cáo Lê Văn Th3, Nguyễn MS và Nguyễn Tất D đều khai nhận mức thu nhập bình quân của các bị cáo mỗi tháng là 3 triệu đồng, xét mức thu nhập trên là nguồn sinh sống chính của gia đình các bị cáo, nên cần khấu trừ thu nhập của mỗi bị cáo với mức 5% thu nhập trong thời gian trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ (mỗi tháng là 150.000 đồng x thời gian chấp hành hình phạt = Tổng số tiền bị khấu trừ), là phù hợp với điều kiện của các bị cáo. Về hình phạt bổ sung (phạt tiền) theo khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự, xét điều kiện gia đình của các bị cáo khó khăn nên không áp dụng.

Về vật chứng vụ án:

- Đối với số tiền 99.000.000đ tạm giữ khi khám xét nhà ở của Nguyễn Minh Th bao gồm: 34.000.000đ tạm giữ trong két sắt tại bếp tầng một; 20.000.000đ tạm giữ tại ngăn kệ ti vi trong phòng ngủ của vợ chồng Nguyễn Minh Th và Phạm Thị Ch; 45.000.000đ tạm giữ tại ngăn tủ quần áo trong phòng ngủ của Nguyễn Thị M; 2.000.000đ tạm giữ của Nguyễn Văn T4 và 300.000đ tạm giữ của Nguyễn Văn S2. Quá trình điều tra xác định số tiền trên không liên quan đến hành vi đánh bạc của các bị cáo trong vụ án, do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La đã trả lại số tiền trên cho Phạm Thị Ch, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn T4 và Nguyễn Văn S2, xét là có căn cứ đúng qui định pháp luật, cần chấp nhận.

- Đối với 03 chiếc đĩa hình tròn, 03 chiếc bát sứ màu trắng hình tròn, 04 quần vi hình tròn thu giữ khi bắt quả tang, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được đây là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 10 chiếc điện thoại di động thu giữ của các bị cáo Nguyễn Tất D, Vũ Văn Ph, Vi Văn Ng, Vũ Văn K, Vũ Đình T1, Lê Văn Th3, Lò Văn Th2, Nguyễn Minh Th, kết quả điều tra xác định là tài sản của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với số tiền 21.900.000đ (*trong đó: 10.200.000đ thu trên chiếu bạc, thu của Nguyễn Minh Th 5.600.000đ; của Vũ Văn Ph 1.500.000đ; của Vũ Văn K 200.000đ; của Vũ Văn Tr 4.000.000đ, của Lò Văn Th2 400.000đ*), là khoản tiền các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 41.800.000đ, trong đó có 31.800.000đ thu giữ trên người bị cáo Vi Văn Ng và 10.000.000đ thu giữ tại góc phản nơi đánh bạc, quá trình điều tra xác định được số tiền trên là của gia đình bị cáo Vi Văn Ng, bị cáo Ng được vợ là Lường Thị T đưa cho số tiền trên để đem trả nợ tiền mua vật liệu xây dựng và không dùng để thực hiện hành vi phạm tội. Chị Lường Thị T và bị cáo đều đề nghị được trả lại số tiền trên, xét thấy phù hợp cần chấp nhận.

- Đối với số tiền 8.000.000đ Cơ quan điều tra thu giữ khi khám xét tại ngăn kéo kệ ti vi ở phòng khách nhà bị cáo Nguyễn Minh Th, kết quả điều tra xác định số tiền trên là của gia đình bị cáo, không liên quan đến vụ án, bà Phạm Thị Ch đề nghị được trả lại số tiền trên, xét thấy có căn cứ cần chấp nhận.

Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định chung của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

T4 bố các bị cáo Nguyễn Minh Th, Lò Văn Th2, Vũ Đình T1, Vi Văn Ng, Vũ Văn K, Vũ Văn Ph, Vũ Văn Tr, Nguyễn Tất D (tên gọi khác: Ba), Nguyễn MS, Lê Văn Th3, phạm tội Đánh bạc.

1. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Th 12

(mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Minh Th cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện S, tỉnh Sơn La giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Tr hợp bị cáo Nguyễn Minh Th thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Phạt tiền: 3.000.000đ (ba triệu đồng).

2. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53; khoản 2, 3 Điều 30 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Lò Văn Th2 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (04/6/2017).

Phạt tiền: 1.000.000đ (một triệu đồng).

3. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60; khoản 2, 3 Điều 30 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Văn K 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Vũ Văn K cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện S, tỉnh Sơn La giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Tr hợp bị cáo Vũ Văn K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Phạt tiền: 1.000.000đ (một triệu đồng).

4. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60; khoản 2, 3 Điều 30 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Văn Tr 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Vũ Văn Tr cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện S, tỉnh Sơn La giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Tr hợp bị cáo Vũ Văn Tr thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Phạt tiền: 1.000.000đ (một triệu đồng).

5. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60; khoản 2, 3 Điều 30 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Đình T1 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Vũ Đình T1 cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện S, tỉnh Sơn La giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Tr hợp bị cáo Vũ Đình T1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Phạt tiền: 1.000.000đ (một triệu đồng).

6. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60; khoản 2, 3 Điều 30 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vì Văn Ng 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Vi Văn Ng cho Ủy ban nhân dân xã Dhuyện S, tỉnh Sơn La giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Tr hợp bị cáo Vi Văn Ng thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Phạt tiền: 1.000.000đ (một triệu đồng).

7. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60; khoản 2, 3 Điều 30 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Văn Ph 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Vũ Văn Ph cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện S, tỉnh Sơn La giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Tr hợp bị cáo Vũ Văn Ph thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Phạt tiền: 1.000.000đ (một triệu đồng).

8. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 31 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tất D (tên gọi khác: Ba) 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ (được khấu trừ thời gian tạm giữ 09 ngày, được quy đổi bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành tiếp là 08 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã S, huyện S, tỉnh Sơn La nhận được Quyết định Thi hành án và Bản án. Khấu trừ thu nhập của bị cáo Nguyễn Tất D 1.350.000đ (một triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng) để sung công quỹ nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Tất D cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện S, tỉnh Sơn La giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

9. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 31 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn MS 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ (được khấu trừ thời gian tạm giữ 09 ngày, được quy đổi bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành tiếp là 08 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã S, huyện S, tỉnh Sơn La nhận được Quyết định Thi hành án và Bản án. Khấu trừ thu nhập của bị cáo Nguyễn MS 1.350.000đ (một triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng) để sung công quỹ nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn MS cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện S, tỉnh Sơn La giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

10. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Lê Văn Th3 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ (được khấu trừ thời gian tạm giữ 09 ngày, được quy đổi bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành tiếp là 06 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã S, huyện S, tỉnh Sơn La nhận được Quyết định Thi hành án và

Bản án. Khấu trừ thu nhập của bị cáo Lê Văn Th3 1.050.000đ (một triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng) để sung công quỹ nhà nước.

Giao bị cáo Lê Văn Th3 cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện S, tỉnh Sơn La giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

11. *Về vật chứng vụ án:* Áp dụng khoản 1, 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

* Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La đã trả lại cho bà Phạm Thị Ch số tiền 54.000.000đ; trả lại cho chị Nguyễn Thị M số tiền 45.000.000đ; trả lại cho ông Nguyễn Văn S2 số tiền 300.000đ; trả lại cho anh Nguyễn Văn T4 số tiền 2.000.000đ;

* *Tịch thu tiêu hủy:* 03 (ba) chiếc đĩa hình tròn có đường kính 18cm, có họa tiết hoa văn trên đĩa có chữ Hang A Si; 03 (ba) chiếc bát sứ màu trắng hình tròn đường kính 12cm, nhãn hiệu Long Phương; 04 (bốn) quân vị hình tròn có đường kính bằng nhau 1,5cm, được cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long, một mặt màu vàng, một mặt màu trắng;

* *Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:* 21.900.000đ (Hai mươi một triệu, chín trăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam;

* Trả cho bà Phạm Thị Ch số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

* Trả cho chị Lương Thị T số tiền 41.800.000đ (Bốn mươi một triệu tám trăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

* *Tạm giữ để đảm bảo thi hành án:*

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA Model 110i, vỏ màu trắng tím IMEI có 04 số cuối 362/9 kèm 01 sim trong máy, bị trầy xước ở nhiều vị trí, thu giữ của Nguyễn Tất D;

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, vỏ màu đen IMEI có 04 số cuối 652/7, mặt lưng bị vỡ góc trái phía trên, kèm 01 sim trong máy, thu giữ của Vũ Văn Ph.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu trắng, bạc kèm 01 sim trong máy, mặt sau điện thoại có dán chữ Vi Văn Ng.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu vàng, kèm 01 sim trong máy, mặt sau điện thoại có dán chữ Vũ Văn K.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung, mặt trước màu trắng, mặt sau màu đồng, mặt sau điện thoại có dán chữ Vũ Đình T1.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu vàng, mặt sau điện thoại có dán chữ Lê Văn Th3.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung, vỏ màu xám bạc kèm 02 sim trong máy, mặt sau điện thoại có dán chữ Lò Văn Th2.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA Model X1, vỏ màu đen 2 IMEI có 04 số cuối 084/7; 085/4 kèm 01 sim trong máy, thu giữ của Lò Văn Th2.

- 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone, vỏ màu vàng kèm 01 sim trong máy, mặt sau có dán chữ Nguyễn Minh Th.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động NOKIA Model 6300, có vỏ kim loại màu trắng IMEI có 04 số cuối 8340 kèm 01 sim trong máy.

12. *Về án phí:* Các bị cáo Nguyễn Minh Th, Lò Văn Th2, Vũ Văn K, Vũ Văn Tr, Vũ Đình T1, Vi Văn Ng, Vũ Văn Ph, Nguyễn Tất D (Ba), Nguyễn MS, Lê Văn Th3, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

13. *Về quyền kháng cáo đối với Bản án:* Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/9/2017). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- Phòng PC45-Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- Các bị cáo; Người có QLNVLQ;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp tỉnh Hưng Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- UBND xã (nơi các bị cáo cư trú);
- Lưu: HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Huy Hiệp